TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144 /2022/DS-PT
Ngày: 29/6/2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: - Ông Lê Thanh Vân;

- Bà Trần Thị Kim Em;

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hà Vy, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Mai Thị Đào Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXX-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thúy Ph,** sinh năm 1977 (tên gọi khác là Huỳnh T) (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1. **Đặng Như N,** sinh năm 1985 (Có mặt)

2. **Đoàn Công T**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: **Đặng Như N,** sinh năm 1985.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- *Nguyên đơn đơn chị Nguyễn Thị Thúy Ph trình bày*: Chị và chị Đặng Như N, anh Đoàn Công T có quen biết với nhau nên chị có cho chị N, anh T vay 04 lần tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25-5-2019 âm lịch, chị cho chị N, anh T vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), có làm biên nhận do chị N viết ký tên ghi họ tên, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và thời hạn vay là cuối năm 2019 sẽ trả số tiền vay trên cho chị.

Lần 2: Vào ngày 30-5-2019 âm lịch, chị N, anh T tiếp tục vay của chị số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), có làm biên nhận do chị N viết ký tên ghi họ tên, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và thời hạn vay là cuối năm 2019 sẽ trả số tiền trên.

Lần 3: Vào ngày 05-6-2019 âm lịch, chị N, anh T vay của chị số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), có làm biên nhận do chị N viết ký tên ghi họ tên, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và thời hạn vay là cuối năm 2019 sẽ trả số tiền trên cho chị.

Lần 4: Vào ngày 17-6-2019 âm lịch, chị N, anh T vay của chị số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), có làm biên nhận do chị N viết ký tên ghi họ tên, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và thời hạn vay là cuối năm 2019 sẽ trả số tiền trên cho chị.

Tổng cộng chị N, anh T đã vay của chị số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh và nhằm đáp ứng nhu cầu Tết yếu của gia đình. Đến thời hạn vay, chị nhiều lần yêu cầu chị N, anh T trả nợ cho chị nhưng chị N, anh T vẫn không thực hiện. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị N, anh T liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho chị và tiền lãi tạm tính từ ngày 17-8-2019 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với số tiền là 200.000.000 đồng × 20%/năm × 25 tháng = 83.333.000 đồng, chị yêu cầu chị N, anh T liên đới trả cho chị tiền vốn và lãi là 283.333.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 26-01-2022, chị Ph thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, chị yêu cầu bị đơn là chị Đặng Như N trả số tiền vay tổng cộng là 200.000.000 đồng, chị không yêu cầu anh Đoàn Công T liên đới trả số tiền vay trên cho chị, do chị N đã trả tiền lãi cho chị đến tháng 12/2020 âm lịch thì ngưng cho đến nay nên chị yêu cầu chị N tiếp tục trả lãi cho chị tính từ tháng 12/2020 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất như đã thỏa thuận là 3%/tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy Ph rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất tạm tính từ ngày 17-8-2019 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với số tiền là 200.000.000 đồng × 20%/năm × 25 tháng = 83.333.000 đồng. Chị Ph yêu cầu chị N trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật, chị không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn chị Đặng Như N trình bày:* Chị có vay của chị Nguyễn Thị Thúy Ph (tên gọi khác là Huỳnh T) tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đúng như đơn khởi kiện của chị Ph, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, chị trả lãi cho chị Ph đến tháng 12/2020 âm lịch thì ngưng trả lãi cho đến nay, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là khi nào chị Ph cần thì chị trả lại số nợ này. Khi vay chị có viết ký tên ghi họ tên vào 04 biên nhận vay. Việc vay tiền của chị là để sử dụng vào mục đích chơi hụi cá nhân của chị nên chồng chị là anh Đoàn Công T không biết việc chị vay tiền của chị Ph.

Nay chị Ph khởi kiện, chị đồng ý trả cho chị Ph số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), chị xin không trả lãi nữa nhưng hiện nay do điều kiện kinh tế của chị khó khăn nên chị xin được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trả đến khi hết số nợ trên.

+ *Đối với anh Đoàn Công T:* Anh là chồng của chị Đặng Như N, việc vay tiền của chị N anh hoàn toàn không biết, vì chị N vay tiền để sử dụng vào mục đích chơi hụi cá nhân của chị N, vào thời điểm chị N vay tiền anh không biết và chị N, chị Ph cũng không nói cho anh biết nên các giấy mượn tiền không có chữ ký ghi họ tên của anh. Đến khi chị N không còn khả năng trả lãi nữa thì chị Ph mới qua nói cho anh biết, anh chỉ biết việc vay tiền này được vài tháng nay nên anh không đồng ý với yêu cầu của chị Ph về việc buộc anh liên đới với chị N trả số tiền vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 17/8/2019 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với số tiền là 200.000.000 đồng × 20%/năm × 25 tháng = 83.333.000 đồng.

Nay anh thống nhất với yêu cầu của chị Ph buộc chị N trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, vì đây là nợ vay giữa chị N và chị Ph, nhưng anh xin chị Ph cho chị N được trả dần số tiền vay trên mỗi tháng là 3.000.000 đồng và không trả lãi nữa.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Đặng Như N thống nhất với yêu cầu của chị Ph, chị đồng ý trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho chị Ph, chị không tranh chấp về số tiền lãi đã trả và yêu cầu không trả lãi nữa nhưng do điều kiện kinh tế của chị khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả đến khi hết số nợ trên.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 188, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều: 463, 465, 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Ph.

1. Buộc chị Đặng Như N trả cho chị Nguyễn Thị Thúy Ph (tên gọi khác là Huỳnh T) số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (BLDS).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy Ph về việc yêu cầu chị Đặng Như N trả số tiền lãi tạm tính là 83.333.000 đồng (tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 12 tháng 04 năm 2022, bị đơn bà **Đặng Như N** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy một phần Quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T cho bị đơn được trả hàng tháng 3.000.000 đồng đến khi trả hết 200.000.000 đồng vì bị đơn không có khả năng trả liền 200.000.000 cho bà Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Đặng Như N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin được trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy Ph vẫn yêu cầu chị N trả 200.000.000 đồng cho chị làm một lần, không chấp nhận cho chị N trả nợ dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng với trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS) qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng với luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ph, buộc chị N trả cho chị Ph 200.000.000 đồng vốn vay và đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi do chị Ph rút lại là có căn cứ, phù hợp với qui định của BLDS. Chị N kháng cáo nhưng không bổ sung tài liệu chứng cứ mới và yêu cầu kháng cáo của chị N không được chị Ph đồng ý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát. Xét thấy:

[1] Bị đơn Đặng Như N thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng với qui định tại Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng vốn vay và 83.333.000 đồng tiền lãi theo các biên nhận ngày 25/5/2019 âm lịch; ngày 30/5/2019 âm lịch; ngày 05/6/2019 âm lịch và ngày 17/6/2019 âm lịch. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466 và 468 của BLDS năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Đặng Như N và Đoàn Công T trả nợ vay của các biên nhận (ngày 25/5/2019 âm lịch là 30.000.000 đồng; ngày 30/5/2019 âm lịch là 70.000.000 đồng; ngày 05/6/2019 âm lịch là 60.000.000 đồng và ngày 17/6/2019 âm lịch là 40.000.000 đồng) tổng cộng 200.000.000 đồng vốn và 83.333.000 đồng tiền lãi. Quá trình tòa sơ thẩm giải quyết chị Nguyễn Thị Thúy Ph rút lại yêu cầu anh Đoàn Công T trả nợ và không đòi 83.333.000 đồng tiền lãi (bút lục 38, 40). Nhưng yêu cầu trả một lần đủ số nợ.

Bị đơn Đặng Như N thừa nhận có vay của chị Ph 04 lần tổng cộng 200.000.000 đồng như chị Ph trình bày trong đơn là đúng. Nay chị Ph khởi kiện yêu cầu chị trả 200.000.000 triệu đồng vốn vay thì chị chấp nhận trả nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình chị khó khăn nên chị xin chị Ph cho chị trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[4] Tòa sơ thẩm xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ph. Buộc chị N trả cho chị Ph 200.000.000 đồng tiền vốn và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Ph đòi chị N trả 83.333.000 đồng tiền lãi.

Không đồng ý với quyết định án sơ thẩm chị N kháng cáo xin được trả nợ dần cho chị Ph mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết 200.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của chị N nhận thấy: Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Ph thì chị N thừa nhận có vay của chị Ph 04 lần tổng cộng 200.000.000 triệu đồng mỗi lần vay có làm biên nhận với lãi suất 3%/tháng như chị Ph trình bày trong đơn khởi kiện là đúng. Chị N đồng ý trả cho chị Ph 200.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Chị Ph không chấp nhận cho chị N trả nợ dần, còn tiền lãi thì hai bên đều thống nhất không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết (bút lục 37, 38, 39, 40). Do đó tòa sơ

thẩm xử buộc chị N trả cho chị Ph 200.000.000 đồng là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

Chị N kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung chứng cứ tài liệu mới có giá trị pháp lý làm thay đổi tính chất vụ án, yêu cầu kháng cáo của chị N không được chị Ph đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận được.

[6] Tuy nhiên, án sơ thẩm có thiếu sót là chưa giải quyết toàn diện yêu cầu khởi kiện của đương sự. Vì đơn khởi kiện chị Ph yêu cầu chị Đặng Như N và anh Đoàn Công T cùng trả chị Ph 200.000.000 đồng vốn vay và 83.333.000 đồng tiền lãi (bút lục 11, 12). Tòa án thông báo thụ lý vụ án ghi bị đơn Đặng Như N, Đoàn Công T (bút lục 15). Biên bản hòa giải ngày 26/01/2022 ghi bị đơn N và Từ (bút lục 30). Quá trình giải quyết vụ án chị Ph rút lại yêu cầu anh Từ cùng trả nợ với chị N và rút lại yêu cầu đòi tiền lãi 83.333.000 đồng (bút lục 38, 40) việc chị Ph rút lại yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Nhưng tòa sơ thẩm chỉ đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi và không đưa anh Đoàn Công T vào tham gia tố tụng vụ án để xem xét đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện anh Đoàn Công T là chưa đúng với qui định tại Điều 244 BLTTDS. Xong thiếu sót này không làm thay đổi tính chất nội dung vụ án, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khác nên chỉ cần sửa chữa một phần án sơ thẩm, quyết định bổ sung đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Ph đối với anh Đoàn Công T là đủ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm chị Đặng Như N phải chịu án phí theo qui định Điều 147, 148 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định án phí lệ phí tòa án.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát có một phần phù hợp với quan điểm nhận định của Tòa án được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Như N.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 3, Điều 166, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của BLDS, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 qui định về án phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Ph. Buộc chị Đặng Như N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy Ph 200.000.000 đồng vốn vay.

Kể từ ngày chị Ph có đơn T hành án nếu chị N chậm T hành nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 của BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm T hành án.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Ph đòi chị Đặng Như N trả 83.333.000 đồng tiền lãi.

3/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Ph đòi anh Đoàn Công T cùng chị Đặng Như N trả nợ cho chị Ph.

4/ Về án phí:

- Chị Đặng Như N phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy Ph 7.083.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002811 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại chị Đặng Như N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002992 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hoàng Khải